

PHỤ LỤC 01

**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
ĐỀ XUẤT HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
A	B	1	2	3	4	5
*	TỔNG SỐ			-203.119,628		
A	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			-21.918,022		
A.I	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi			-2.538,248		
1	Xã An Toàn			-3,711		454/CV-UBND - 27/09/2025; CV 605/UBND-KT ngày 20/10/2025
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					
	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt Thôn 1, xã An Toàn	3,711	0,000	-3,711	Hết khối lượng thanh toán	
2	Xã Vân Canh			-1.676,146		Công văn số 594/UBND-VHXX ngày 29/9/2025; Công văn số 768/UBND-KT ngày 17/10/2025
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>					
	Xây dựng đường BTXM từ đất ông Lũy đến đất ông Trị làng Canh Lành	1.061,590	581,186	-480,404	Công trình hoàn thành, hết nhiệm vụ chi	
	Xây dựng tuyến đường bê tông xi măng từ đất ông Tầm đi đến suối Két	6,279	5,825	-0,454	Công trình hoàn thành, hết nhiệm vụ chi	
	Đường bê tông xi măng từ Quốc lộ 19C đi Cụm Công nghiệp thị trấn	127,388	1,549	-125,839	Công trình hoàn thành, hết nhiệm vụ chi	
	Đường bê tông xi măng từ Nhà ông Hợp đến nhà Văn hóa Hiệp Hội	515,000	0,000	-515,000	Công trình không thực hiện được	
	Đường bê tông xi măng từ Đất ông Nhứt đến Trường THCS thị trấn Vân Canh	849,364	309,271	-540,093	Công trình hoàn thành, hết nhiệm vụ chi	
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
	Trường phổ thông dân tộc bán trú Canh Thuận. Hạng mục: Xây mới 10 phòng ở cho học sinh bán trú; cải tạo nâng cấp nhà ăn, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	914,256	899,900	-14,356	Công trình hoàn thành, hết nhiệm vụ chi	
3	Xã Ya Ma			-73,384		244/UBND-KT ngày 29/9/2025 của UBND xã Ya Ma; 305/UBND- KT ngày 20/10/2025
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Công trình: Nhà văn hoá xã Đắk Tơ Pang	32,004	0,000	-32,004	Đã quyết toán, hoàn thành công trình, hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	41,380	0,000	-41,380	Đã quyết toán, hoàn thành công trình, hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
4	Xã Chư Păh			-40,000		980/UBND-VPHDNDUBND - 29/09/2025
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					
	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở	40,000	0,000	-40,000	Không còn đối tượng để thực hiện	
5	Xã Ia Hrú			-498,000		Công văn số 626/UBND-VHXH ngày 29/9/2025
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	498,000	0,000	-498,000	không còn phù hợp sau khi sáp nhập	
6	Xã Kdang			-71,875		Công văn số 394/UBND ngày 27/9/2025
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN</i>	71,875	0,000	-71,875	Nguồn vốn năm 2024 không sử dụng hết sau khi thực hiện đấu thầu xong gói dự án.	
7	Xã Kông Chro			-158,695		CV số 398/UBND-ĐT ngày 07/10/2025; CV số 484/UBND-TH ngày 20/10/2025
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					
	<i>Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt</i>					
	Công trình: Hệ thống cấp nước sinh hoạt các thôn làng	77,165	0,000	-77,165	Quyết toán hoàn thành công trình, hết nhiệm vụ chi	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>					
	<i>Công trình: Đường nội làng và đi khu sản xuất làng Vơ</i>	36,540	0,000	-36,540	Quyết toán hoàn thành công trình, hết nhiệm vụ chi	
	<i>Công trình: Đường D3</i>	6,810	0,000	-6,810		
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	38,180	0,000	-38,180	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
8	Xã Ia Púch			-16,437		Công văn số 402/UBND-VHXH ngày 30/9/2025
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>					
	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS&MN	820,000	803,563	-16,437	Hết nhiệm vụ chi, đề nghị nộp trả	
A.II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			-19.379,774		
1	Xã An Hòa			-1.518,423		VB số 134/UBND ngày 05/8/2025; VB số 561/UBND ngày 17/10/2025
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo					
	<i>Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KT-XH huyện nghèo</i>					
	Trường THCS An Hoà: Xây dựng 04 phòng học, 04 phòng bộ môn	4,692	0,000	-4,692	Dự án hoàn thành	
	Đầu tư xây dựng mới Nhà Văn hoá Thôn 5- xã An Quang	285,639	256,941	-28,698	Dự án hoàn thành	
	<i>Tiểu dự án 2: Triển khai đề án hỗ trợ một số huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, ĐBKK giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng CP phê duyệt</i>					
	Cầu Bến Nhơn	2.562,782	1.077,749	-1.485,033	Dự án hoàn thành	
2	Xã An Lão			-1.748,246		VB số 782/UBND ngày 27/9/2025
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo					
	<i>Tiểu dự án 2: Triển khai đề án hỗ trợ một số huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, ĐBKK giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng CP phê duyệt</i>					
	Cầu Sông Đình	2.750,972	1.002,726	-1.748,246	Dự án hoàn thành	
3	Xã An Toàn			-136,033		CV 605/UBND-KT ngày 20/10/2025
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo					
	<i>Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KT-XH huyện nghèo</i>					
	Kênh mương ruộng Đà Lách	350,000	340,607	-9,393	Hết khối lượng thanh toán	
	Kênh mương ruộng Ren	350,000	230,258	-119,742	Hết khối lượng thanh toán	
	Kênh mương ruộng Mala	350,000	343,102	-6,898	Hết khối lượng thanh toán	
4	Xã Ya Ma			-67,843		244/UBND-KT ngày 29/9/2025 của UBND xã Ya Ma; 305/UBND-KT ngày 20/10/2025
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo					
	<i>Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KT-XH huyện nghèo</i>					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Trường mầm non Hoà Mi	22,828	0,000	-22,828	Đã hoàn thành công trình, hết nhiệm vụ chi	
	Nghĩa trang làng Đăk Hway	24,774	0,000	-24,774	Đã hoàn thành công trình, hết nhiệm vụ chi	
	Nghĩa trang làng Kpiêu Kông	20,241	0,000	-20,241	Đã hoàn thành công trình, hết nhiệm vụ chi	
5	Xã Kông Chro			-89,475		CV số 484/UBND-TH ngày 20/10/2025
	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo					
	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</i>					
	Công trình: Trường mầm non 17-3 (Điểm làng Tpôn, Glung, Von)	23,237	0,000	-23,237	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
	Công trình: Trường PTDTBT TH & THCS Yang Nam (Điểm làng Hlang, Glung)	66,238	0,000	-66,238	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
6	Sở Nội vụ			-14.998,219		VB số 3112/SNV-VP ngày 23/10/2025
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (Gia Lai cũ)</i>	14.998,219	0,000	-14.998,219	Sở Nội vụ đang hoàn thiện thủ tục đề trình UBND tỉnh xem xét, quyết định dừng thực hiện dự án 4, tiểu dự án 3 với số tiền: 16.515,22 triệu đồng (NSTW và NST)	
7	Cao đẳng Y tế Gia Lai			-821,535		VB số 238/CĐYT ngày 26/9/2025
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>					
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở 06 Nguyễn Huệ và cơ sở 130 Trần Hưng Đạo của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định, hạng mục cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các phòng thực hành thuộc khu nhà 4 tầng, bể ÁTH, các hạng mục phụ trợ khác cơ sở 06 Nguyễn Huệ và sân bê tông thoát nước cơ sở 130 Trần Hưng Đạo	12.393,921	11.718,486	-675,435	Dự kiến đến 31/12/2025 hết khối lượng thanh toán	
	Mua sắm trang thiết bị đào tạo ngành Điều dưỡng, Dược, kỹ thuật xét nghiệm Y học và thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm Quản lý để thực hiện công tác chuyển đổi số của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định năm 2024	1.390,000	1.243,900	-146,100	Dự án đã hoàn thành không có khả năng giải ngân	
B	VỐN SỰ NGHIỆP			-181.201,606		
B.I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			-14.485,047		
1	Xã Biển Hồ			-12.150,000		3556/SNNMT-NTM - 09/10/2025
	<i>Nội dung thành phần số 08 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	12.150,000	0,000	-12.150,000	Hết nhiệm vụ chi	
2	Xã Ia Rbol			-600,513		173/BC-UBND ngày 30/9/2025; 194/BC-UBND ngày 15/10/2025
	<i>Nội dung thành phần số 06 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	13,103	13,090	-0,013	Hết nhiệm vụ chi	

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Nội dung thành phần số 07 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	500,000	0,000	-500,000	không có khả năng thực hiện	
	Nội dung thành phần số 11 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				Không có nhu cầu sử dụng	
	Nội dung 01	56,540	0,000	-56,540		
	Nội dung 04	43,960	0,000	-43,960		
3	Xã Tơ Tung			-313,052		410/UBND-KT - 30/09/2025
	Nội dung thành phần số 01 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	13,103	0,000	-13,103	Hết nhiệm vụ chi	
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	14,949	0,000	-14,949	Hết nhiệm vụ chi	
	Nội dung thành phần số 09 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	35,000	0,000	-35,000	Không sử dụng	
	Chương trình an toàn thực phẩm, nước sạch vệ sinh môi trường	250,000	0,000	-250,000	Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể	
4	Xã Chư Prông			-350,000		375/UBND-KTTH ngày 02/10/2025; 271/BC-UBND ngày 20/10/2025; 471/BC-UBND ngày 24/10/2025
	Nội dung thành phần số 06 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	350,000	0,000	-350,000	Kinh phí năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025. Không còn phù hợp sau sắp xếp đơn vị hành chính	
5	Xã Ia Tôr			-20,000		373/UBND-PKT ngày 26/9/2025
	Nội dung thành phần số 09 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	20,000	0,000	-20,000	Qua rà soát không còn đối tượng hỗ trợ theo quy định của Chương trình nên đề xuất trả vốn	
6	Xã Ia Mơr			-38,698		Văn bản số 533/UBND-KTHT ngày 07/10/2025
	Nội dung thành phần số 01 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	175,000	136,302	-38,698	Hết nhiệm vụ chi	
7	Xã Ia Hiao			-15,000		749/UBND-PKT ngày 03/10/2025
	Nội dung thành phần số 09 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	15,000	0,000	-15,000		
8	Xã Ia Rsai			-0,440		Văn bản số 272/BC-UBND ngày 29/9/2025
	Nội dung thành phần số 06 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	0,440	0,000	-0,440	Hết nhiệm vụ chi	
9	Xã Lơ Pang			-112,500		Công văn số 858/UBND-KT ngày 30/9/2025; Công văn số 1087/UBND-KT ngày 22/10/2025
	Nội dung thành phần số 03 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị.	112,500	0,000	-112,500	Sau sáp nhập xã không đủ thời gian và nhân lực để tổ chức giải, chưa có doanh nghiệp hoặc tổ chức cá nhân đăng ký tham gia đầu tư, khai thác du lịch cộng đồng	
10	Xã Ia Dom			-88,441		BC số 296/BC-UBND ngày 20/10/2025
	<i>Nội dung thành phần số 01 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>					
	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	88,441	0,000	-88,441	đã hoàn thành nhiệm vụ chi	
11	Xã Đức Cơ			-80,680		CV số 486/UBND-KT ngày 22/10/2025
	<i>Nội dung thành phần số 01 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	80,680	0,000	-80,680	Nộp trả kinh phí do đã thực hiện xong	
12	Xã Vĩnh Quang			-21,700		CV số 616/UBND-KT ngày 20/10/2025
	<i>Nội dung thành phần số 06 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	51,700	30,000	-21,700	Hết nhiệm vụ chi	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo			-147,995		Công văn số 1513/SGDDĐT-KHTC ngày 26/9/2025
	<i>Nội dung thành phần số 03 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	147,995	0,000	-147,995	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sáp xếp	
14	Sở Nội vụ			-37,452		Công văn 3112/SNV-VP ngày 23/10/2025
	<i>Nội dung thành phần số 11 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	37,452	0,000	-37,452	Hết nội dung chi	
15	Sở Nông nghiệp và Môi trường			-8,000		Công văn 3945/SNNMT-KHTC ngày 20/10/2025
	<i>Nội dung thành phần số 11 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	8,000	0,000	-8,000	Sau hợp nhất sử dụng nguồn kinh phí giao năm 2025, do vậy không có nhu cầu sử dụng từ nguồn kinh phí năm 2024 chuyển nguồn sang 2025	
16	Sở Công Thương			-72,745		Công văn 1789/SCT-VP ngày 20/10/2025
*	Văn phòng Sở Công Thương					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Nội dung thành phần số 11 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	19,975	0,000	-19,975	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
*	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại					
	Nội dung thành phần số 03 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	52,770	0,000	-52,770	Kinh phí được tiết kiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ	
17	Hội Nông dân tỉnh			-25,350		Văn bản số 203-CV/HNDT ngày 26/9/2025
	Nội dung thành phần số 11 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Nội dung 01	13,691	0,000	-13,691	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	Nội dung thành phần số 09 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	11,659	0,000	-11,659	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
18	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh			-308,282		Văn bản số 411/MTTQ-BTT ngày 06/10/2025
	Nội dung thành phần số 11 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				Từ nay đến cuối năm, Ủy ban MTTQVN cấp xã đang tổ chức Đại hội đại biểu MTTQVN xã/phường và cơ quan Ủy ban MTTQVN tỉnh tập trung cao điểm công tác chỉ đạo Đại hội cấp xã, tiến tới Đại hội đại biểu MTTQVN tỉnh Gia Lai nên không thể thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong năm 2025	
	Nội dung 01	45,000	0,000	-45,000		
	Nội dung 04	263,282	0,000	-263,282		
19	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh			-94,199		VB số 359-CV/ĐTN ngày 29/9/2025
	Nội dung thành phần số 08 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	23,070	0,000	-23,070	Không thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị	
	Nội dung thành phần số 11 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
	Nội dung 01	71,129	0,000	-71,129	Không thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị	
B.II	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi			-158.351,668		
1	Xã Canh Vinh			-13,280		Công văn số 603/UBND-VHXXH ngày 26/9/2025

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	13,280	0,000	-13,280	đối tượng thụ hưởng hiện nay còn rất ít, phần lớn hộ nghèo là những hộ già cả neo đơn, không có khả năng lao động	
2	Xã Vĩnh Quang			-96,000		CV số 475/UBND-VHXX ngày 26/9/2025; CV số 616/UBND-KT ngày 20/10/2025
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	45,000	0,000	-45,000	đã thực hiện, hết đối tượng	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	27,000	0,000	-27,000	đã thực hiện, hết đối tượng	
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	24,000	0,000	-24,000	Hết nhiệm vụ chi	
3	Xã Vĩnh Thạnh			-28,000		Công văn số 433/UBND-VHXX ngày 29/9/2025
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	12,000	0,000	-12,000	không thuộc đối tượng thụ hưởng	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	16,000	0,000	-16,000	Số lượng điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã đã đáp ứng đủ	
4	Xã Vĩnh Thịnh			-63,000		số 135/BC-UBND ngày 01/10/2025
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	24,000	0,000	-24,000	đã thực hiện, hết đối tượng	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	23,000	0,000	-23,000	đã thực hiện, hết đối tượng	

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	16,000	0,000	-16,000	đã thực hiện, hết đối tượng	
5	Xã Vĩnh Sơn			-89,953		Công văn số 278/UBND-VHXX ngày 01/10/2025
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1,435	0,000	-1,435		
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	58,361	0,000	-58,361	Hết nhiệm vụ chi	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030</i>	4,157	0,000	-4,157	Vốn dư hết nhiệm vụ chi	
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN</i>	26,000	0,000	-26,000	Hết nhiệm vụ chi	
6	Xã Bình Phú			-1.473,000		CV số 114/UBND ngày 30/9/2025; 368/UBND-KT - 17/10/2025
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	413,000	0,000	-413,000		
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	1.006,000	0,000	-1.006,000	hết đối tượng thụ hưởng	
	Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	54,000	0,000	-54,000	hết đối tượng thụ hưởng	
7	Xã An Toàn			-4,235		454/CV-UBND - 27/09/2025; CV 605/UBND-KT ngày 20/10/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	2,985	0,000	-2,985	Hết nhiệm vụ chi	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	1,250	0,000	-1,250	Hết nhiệm vụ chi	
8	Xã Pờ Tó			-1.168,552		396/UBND-KT ngày 27/9/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	1.398,812	305,000	-1.093,812	Xã đã rà soát không còn đối tượng, hết nhiệm vụ chi	
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					
	Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	74,740	0,000	-74,740	Xã đã rà soát không còn đối tượng, hết nhiệm vụ chi	
9	Xã Ia Hnú			-63,837		Công văn số 626/UBND-VHXXH ngày 29/9/2025
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					
	Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	30,000	0,000	-30,000	Không còn đối tượng để thực hiện	
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	10,837	0,000	-10,837	Hết nhiệm vụ chi	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN</i>	23,000	0,000	-23,000	Hết đối tượng hỗ trợ	
10	Xã Tơ Tung			-372,000		410/UBND-KT - 30/09/2025
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	204,000	0,000	-204,000	Không thực hiện được	
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	168,000	0,000	-168,000	Không thực hiện được	
11	Xã Ia Lâu			-210,000		số 125/BC-UBND ngày 29/9/2025
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	210,000	0,000	-210,000	Không có đối tượng đảm bảo giải ngân	

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
12	Xã Ia Rsai			-285,202		Công văn số 270/BC-UBND ngày 29/9/2025
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					
	<i>Nội dung 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán</i>	129,370	0,000	-129,370	Qua rà soát hết đối tượng hỗ trợ	
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	155,832	0,000	-155,832	Không thực hiện giải ngân được vì nguồn vốn được bố trí giải ngân theo từng năm. Vốn thực hiện giải ngân năm 2025 đã được bố trí. Vì vậy vốn chuyển nguồn qua năm 2025 không thực hiện được.	
13	Xã Chư Prông			-1.130,064		222/BC-UBND - 27/09/2025; 471/BC-UBND ngày 24/10/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN	271,000	0,000	-271,000	không phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nên không thể giải ngân.	
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	214,464	4,400	-210,064	Hết đối tượng giải ngân	
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	649,000	0,000	-649,000	Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn chi cho nội đun hỗ trợ theo QĐ 920/QĐ-TTg	
14	Xã Ia Bông			-612,000		331/UBND-PVHXH - 30/09/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	<i>Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>	134,000	0,000	-134,000	Trên địa xã không có đối tượng đăng ký hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN	

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	478,000	0,000	-478,000	Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn, quy định về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn nên không triển khai thực hiện được.	
15	Xã Kon Chiêng			-336,000		212/BC-UBND - 30/09/2025
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	336,000	0,000	-336,000	Các văn bản hướng dẫn thực hiện, định mức chi, cơ chế quản lý tài chính chưa được ban hành kịp thời hoặc không rõ ràng. Hội LHPN xã trực tiếp triển khai Dự án 8 nên còn lúng túng trong việc áp dụng văn bản, nhất là với nội dung tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng. Cán bộ xã chưa được tập huấn đầy đủ, thiếu kinh nghiệm triển khai chương trình mục tiêu quốc gia. Khối lượng công việc nhiều nhưng người phụ trách ít, dẫn đến quá tải.	
16	Xã Ia Krái			-79,000		437/UBND-VHXH ngày 03/10/2025 của UBND xã
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	79,000	0,000	-79,000	Không có đối tượng đảm bảo giải ngân	
17	Xã Ia Đơk			-288,000		312/UBND-KT - 30/09/2025
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	288,000	0,000	-288,000	Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn, quy định về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn nên không triển khai thực hiện được.	
18	Xã Ia Tôr			-234,000		Công văn số 373/UBND-PKT ngày 26/9/2025
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	234,000	0,000	-234,000	Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn, quy định về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn nên không triển khai thực hiện được.	
19	Xã Phú Túc			-2.108,000		593/SDTTG-DT ngày 30/9/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	2.108,000	0,000	-2.108,000	Hiện nay nhóm DTTS gặp nhiều khó khăn sinh sống xem kẽ với nhóm dân tộc khác như Kinh, chứ không hình thành một cộng đồng riêng... Mặt khác, nội dung hỗ trợ PTSX, các hộ nghèo DTTS gặp nhiều khó khăn cơ bản đã hỗ trợ thuộc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất tại Nội dung 1 – Tiểu DA – DA 3	
20	Xã Kông Chro			-93,313		CV số 398/UBND-ĐT ngày 07/10/2025; CV số 484/UBND-TH ngày 20/10/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	31,815	0,000	-31,815	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	40,950	0,000	-40,950	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>					
	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đối với các xã ĐBKK, thôn, làng ĐBKK	20,511	0,000	-20,511	Đã quyết toán, hoàn thành công trình, hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	11,340	11,303	-0,037	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
21	Xã Kông Bơ La			-333,600		Công văn số 710/UBND-KT ngày 29/9/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	22,400	0,000	-22,400		
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	153,000	0,000	-153,000		
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	126,000	0,000	-126,000		
	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	17,200	0,000	-17,200		
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030</i>	15,000	0,000	-15,000		
22	Xã Ia Tul			-1.640,708		Báo cáo số 1014/BC-UBND ngày 29/9/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	35,816	0,000	-35,816	Vốn còn lại sau khi triển khai thực hiện dự án	
	Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN	121,500	0,000	-121,500	Không mở lớp đào tạo được do không có đối tượng nên không triển khai thực hiện dự án	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>					
	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đối với các xã ĐBKK, thôn, làng ĐBKK	67,024	0,000	-67,024	Vốn còn lại sau khi triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng.	

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	6,368	0,000	-6,368	Vốn còn lại sau khi triển khai thực hiện dự án	
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	1.410,000	0,000	-1.410,000		
23	Xã Lơ Pang			-877,356		Công văn số 858/UBND-KT ngày 30/9/2025; Công văn số 1087/UBND-KT ngày 22/10/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	Tiểu dự án 1 - Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	79,655	76,042	-3,613	Đây là nguồn vốn từ các xã cũ chuyển sang còn ít, phân tán, nhỏ lẻ khó có thể triển khai các hạng mục theo kế hoạch cụ thể vốn năm 2023	
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng dân tộc thiểu số	595,743	15,000	-580,743	không đủ số lượng người học nên không đáp ứng điều kiện tối thiểu để tổ chức lớp. Người học ở độ tuổi lớn nhiều người không còn nhu cầu học tập, không thời gian, động lực học tập.	
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	470,000	177,000	-293,000	Hội LHPN xã trực tiếp triển khai Dự án 8 nên còn lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, thiếu kinh nghiệm triển khai chương trình mục tiêu quốc gia.	
24	Xã Đak Pơ			-240,299		Công văn số 617/UBND-VHXXH ngày 30/9/2025
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	92,792	0,000	-92,792	Hết nhiệm vụ chi	
	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					
	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	70,401	0,000	-70,401	Hết nhiệm vụ chi	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030</i>	56,395	0,000	-56,395	Hết nhiệm vụ chi	
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	23,687	2,976	-20,711	Hết nhiệm vụ chi	
25	Xã Ia Rbol			-124,000		Báo cáo số 203/BC-UBND ngày 20/10/2025
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng dân tộc thiểu số	256,455	132,455	-124,000	không có khả năng thực hiện do không đủ đối tượng để mở lớp xóa mù chữ	
26	Xã Đức Cơ			-302,000		CV số 486/UBND-KT ngày 22/10/2025
	Dự án 9: đầu tư phát triển nhóm dân tộc khó khăn đặc thù	302,000	0,000	-302,000	Nộp trả kinh phí do đã thực hiện xong	
27	Xã Ia Dreh			-525,425		Công văn số 781/UBND-VHXH ngày 22/10/2025
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					
	<i>Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề</i>	110,000	0,000	-110,000	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	87,000	0,000	-87,000	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	<i>Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị</i>	233,625	0,000	-233,625	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	94,800	0,000	-94,800	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
28	Sở Giáo dục và Đào tạo			-28.523,363		CV số 1513/SGDĐT-KHTC ngày 26/9/2025; CV số 2038/SGDĐT-KHTC ngày 20/10/2025
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS</i>				Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	<i>Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học</i>					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	15.583,659	0,000	-15.583,659	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN</i>					
	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	633,537	80,250	-553,287	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	Trung tâm GDNN-GDTX Ia Grai	1.018,152	0,000	-1.018,152	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	Trung tâm GDNN-GDTX Đak Đoa	2.278,906	0,000	-2.278,906	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	Trung tâm GDNN-GDTX Mang Yang	9.089,358	0,000	-9.089,358	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
29	Sở Khoa học và Công nghệ			-94,807		VB 1085/SKHCN-CĐS&BCVT - 26/09/2025; VB 1434/SKHCN-CĐS&BCVT - 20/10/2025
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	51,000	0,000	-51,000	không còn nội dung thực hiện	
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	75,000	31,193	-43,807	không còn nội dung, đối tượng thực hiện	
30	Sở Y tế			-1.831,199		Công văn 2755/SYT-KHTC ngày 27/9/2025
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	10.372,021	8.540,821	-1.831,199	thuộc nội dung Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn (Kông Chro) không có khả năng giải ngân. Lý do cụ thể: không có học viên trúng tuyển Chuyên khoa II; các đối tượng dự kiến học Chuyên khoa I đã chuyển sang chương trình khác Dự án 585 của Bộ Y tế), tuyển sinh theo hình thức phỏng vấn và được nhà trường phân công giảng viên quản lý, hướng dẫn trực tiếp; đối với đào tạo đại học ngành sức khỏe, chỉ có 06 sinh viên, nhưng gia đình đã xác nhận có khả năng tự đảm bảo kinh phí.	
31	Sở Nội vụ			-5.843,544		Công văn 3112/SNV-VP ngày 23/10/2025
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN</i>	5.743,544	0,000	-5.743,544	Hết nội dung chi	

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	100,000	0,000	-100,000	Đã tham gia đoàn kiểm tra do Sở DTTG tổ chức	
32	Sở Dân tộc và Tôn giáo			-1.453,165		812/SDTTG-DT ngày 20/10/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS</i>					
	Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	1.829,235	1.029,235	-800,000	Vốn dư hết nhiệm vụ chi	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	1.577,165	924,000	-653,165	Vốn phân bổ từ các năm chuyển sang năm 2025 (do giai đoạn đầu, cơ chế thực hiện chưa đảm bảo) nhiều. Việc tập huấn kiểm tra, giám sát đã được tổ chức lồng ghép vào tập huấn ở Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 5 dẫn đến không đảm bảo giải ngân vốn kéo dài.	
33	Sở Nông nghiệp và Môi trường			-680,039		Công văn 3945/SNNMT-KHTC ngày 20/10/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>					
	Ban QLRPH Ia Ly	498,704	0,000	-498,704	Trong năm 2025, theo kế hoạch vốn được cấp trong năm 2025 đã đảm bảo thực hiện hạng mục khoán bảo vệ rừng của đơn vị	
	Ban QLRPH Vân Canh	103,501	0,000	-103,501		
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>				Đối tượng kiểm tra giám sát của CTMTQ phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, đã được phối hợp kiểm tra chung với Kế hoạch kiểm tra giám sát của Sở Dân tộc và Tôn giáo	
	Chi cục Kiểm lâm	77,834	0,000	-77,834		
34	Sở Tư pháp			-24,000		CV 1026/STP-VP ngày 29/9/2025
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	24,000	0,000	-24,000		
35	Sở Công Thương			-215,083		Công văn 1789/SCT-VP ngày 20/10/2025
*	<u>Văn phòng Sở Công Thương</u>					
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	135,877	0,000	-135,877	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
*	<u>Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại</u>					
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
	Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	79,206	0,000	-79,206	Kinh phí được tiết kiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (Đấu thầu, Chi phí quản lý)	
36	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh			-642,110		Công văn số 365-CV/TĐTN ngày 29/9/2025
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN</i>					

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	567,110	0,000	-567,110	Hoàn trả kinh phí còn thừa của các năm trước chuyển sang sau khi hoàn thành nhiệm vụ	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	75,000	0,000	-75,000	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ	
37	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh			-12,800		155/BTV-CTPN - 25/09/2025
	<i>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</i>					
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	12,800	0,000	-12,800	không triển khai do chưa có quy định mới công nhận xã đặc biệt khó khăn sau sáp nhập	
38	Hội Nông dân tỉnh			-75,000		VB số 205-CV/HNĐT ngày 29/9/2025
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	75,000	0,000	-75,000	Chưa ổn định tổ chức Hội ở cấp cơ sở nên không tiến hành kiểm tra, giám sát, đánh giá	
39	Kinh phí còn tồn tại cấp tỉnh chưa phân bổ			-106.691,160		593/SĐTTG-DT ngày 30/9/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	106.691,160	0,000	-106.691,160	Thông tư số 12/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 giảm khối lượng so với kế hoạch xây dựng do đó, 1 số nội dung không có đối tượng đảm bảo thực hiện. Ngoài ra, năm 2022 trung ương mới giao vốn để triển khai thực hiện (vào tháng 9/2022), dẫn đến khối	
B.III	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			-8.364,892		

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
1	Xã Vĩnh Thịnh			-74,915		Văn bản số 204/UBND-KT ngày 05/8/2025
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	74,915	0,000	-74,915	Hết nhiệm vụ chi	
2	Xã Vĩnh Quang			-208,160		CV số 616/UBND-KT ngày 20/10/2025
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	240,000	191,840	-48,160	đã thực hiện, hết đối tượng	
	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	150,000	0,000	-150,000	đã thực hiện, hết đối tượng	
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	10,000	0,000	-10,000	Hết nhiệm vụ chi	
3	Xã An Hoà			-3,000		Văn bản số 262/UBND ngày 28/8/2025; VB số 561/UBND ngày 17/10/2025
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	3,000	0,000	-3,000		
4	Xã Ya Ma			-132,000		
	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại huyện nghèo	132,000	0,000	-132,000	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	244/UBND-KT ngày 29/9/2025 của UBND xã Ya Ma; 305/UBND-KT ngày 20/10/2025
5	Xã Cửu An			-1.120,000		Văn bản số 107/UBND ngày 21/8/2025
	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	1.075,000	500,000	-575,000		
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng					
	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	230,000	0,000	-230,000		
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	400,000	85,000	-315,000		
6	Xã Tơ Tung			-22,713		410/UBND-KT - 30/09/2025
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	22,713	0,000	-22,713	Hết nhiệm vụ chi	
7	Xã Ia Lâu			-14,000		Công văn số 54/BC-UBND ngày 05/8/2025
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	14,000	0,000	-14,000	Không có đối tượng	
8	Xã Kông Chro			-221,847		CV số 398/UBND-ĐT ngày 07/10/2025; CV số 484/UBND-TH ngày 20/10/2025
	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo					
	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	54,883	36,942	-17,941	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	6,120	0,000	-6,120	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng					
	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp</i>	6,920	0,000	-6,920	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại huyện nghèo	660,000	480,000	-180,000	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin					
	<i>Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</i>	10,866	0,000	-10,866	Hết nhiệm vụ chi, không có khả năng giải ngân	
9	Xã Đức Cơ			-12,940		CV số 486/UBND-KT ngày 22/10/2025
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				Nộp trả kinh phí do đã thực hiện xong	
	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	12,940	0,000	-12,940		
10	Sở Nội vụ			-1.185,865		Công văn 3112/SNV-VP ngày 23/10/2025
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>					
	<i>Kinh phí cấp cho Sở Nội vụ</i>	1.137,340	0,000	-1.137,340	Hết nội dung chi	
	<i>Kinh phí cấp cho Trung tâm Dịch vụ việc làm</i>	61,041	50,800	-10,241	Hết nội dung chi	
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình</i>	9,000	0,000	-9,000	Hết nội dung chi	
	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	29,284	0,000	-29,284	Hết nội dung chi	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			-65,734		VB 1617/SVHTTDL-VP - 02/10/2025
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	65,734	0,000	-65,734	Kinh phí đề nghị điều chỉnh giảm, trả lại ngân sách vì đây là kinh phí còn lại sau khi thực hiện các nhiệm vụ được giao của năm 2022 và 2023 của tỉnh Gia Lai (cũ). Hiện nay, đối tượng thụ hưởng của dự án không còn nhiều nên dự kiến thực hiện giải ngân nguồn kinh phí được giao năm 2024 và 2025	
12	Sở Giáo dục và Đào tạo			-5.223,636		Công văn số 1513/SGDĐT-KHTC ngày 26/9/2025; VB 1434/SKHCN-CĐS&BCVT - 20/10/2025
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>				Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
	<i>Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	181,601	0,000	-181,601		
	<i>Trung tâm GDNN-GDTX Đức Cơ</i>	604,745	0,000	-604,745		
	<i>Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh</i>	1.587,716	0,000	-1.587,716		

STT	Danh mục Dự án	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Dự kiến vốn giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Vốn không thể giải ngân đề nghị hoàn trả	Lý do điều chỉnh	Văn bản đề nghị
	Trung tâm GDNN-GDTX Ia Grai	6,215	0,000	-6,215		
	Trung tâm GDNN-GDTX Chư Sê	45,589	0,000	-45,589		
	Trung tâm GDNN-GDTX Chư Păh	1.009,683	0,000	-1.009,683		
	Trung tâm GDNN-GDTX Mang Yang	1.788,087	0,000	-1.788,087		
13	Sở Công Thương			-28,000		Công văn 1789/SCT-VP ngày 20/10/2025
*	<i>Văn phòng Sở Công Thương</i>					
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	28,000	0,000	-28,000	Không còn nhiệm vụ thực hiện sau sắp xếp	
14	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh			-31,500		VB số 360-CV/ĐTN ngày 29/9/2025
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	85,734	54,234	-31,500	Không thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị	
15	Hội Nông dân tỉnh			-20,582		VB số 210-CV/HNĐT ngày 30/9/2025
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					
	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	20,582	0,000	-20,582	đã triển khai xong nhiệm vụ trong năm 2024 còn lại, hiện nay tập trung công tác Đại hội Đại biểu Hội Nông dân cấp xã, cấp tỉnh, chưa ổn định tổ chức Hội ở cấp cơ sở nên không tiến hành kiểm tra, giám sát, đánh giá xin hoàn trả kinh phí.	